

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2023
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hồng Vân;
2. Ông Lê Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. “*vắng mặt*”

2. *Bị đơn:* Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn Y huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. “*vắng mặt*”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17-3-2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị V đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Trần Minh Đ trên cơ sở tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn

tại UBND thị trấn Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào cùng năm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10-2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình nên thường xuyên gây gổ; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 10-2022 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn nên chị V yêu cầu ly hôn đối với anh Trần Minh Đ.

Về con chung: Chị V và anh Đ có một con chung tên Trần Phạm Tuấn K, sinh ngày 09-3-2007, hiện tại cháu K đang sống với chị V. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cháu K, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị V và anh Đ trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị V cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Bị đơn – anh Trần Minh Đ đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ thống nhất quan hệ hôn nhân, thời gian ly thân đúng như lời trình bày của chị V. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn nên anh Đ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị V.

Về con chung: Anh Đ và chị V có một con chung tên Trần Phạm Tuấn K, sinh ngày 09-3-2007, hiện tại cháu K đang sống với chị V. Khi ly hôn, anh Đ đồng ý giao cháu K cho chị V tiếp tục trong năm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị V và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị V đối với anh Trần Minh Đ.

Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật; anh Trần Minh Đ không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh Đ, anh Đ có địa chỉ tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết, anh Đ đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Đ. Chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị V. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Chị V và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Bến Cầu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 48/2006 ngày 10-7-2006 nên hôn nhân giữa chị V và anh Đ là hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị V và anh Đ đều thống nhất giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ và ly thân từ tháng 10-2022 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho chị V và anh Đ hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh Đ không đến và chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V. Xét thấy, hôn nhân giữa chị V và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh Đ là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị V và anh Đ thống nhất có một con chung tên Trần Phạm Tuấn K, sinh ngày 09-3-2007, hiện tại đang sống với chị V. Khi ly hôn, Chị V và anh Đ thống nhất giao cháu K cho chị V nuôi dưỡng; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Bên cạnh đó, cháu K có nguyện vọng sống với chị V.

Do đó, giao cháu K cho chị V tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị V không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị V và anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị V và anh Đ trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Trần Minh Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị V đối với anh Trần Minh Đ. Chị V được ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phạm Tuấn K, sinh ngày 09-3-2007 cho chị V tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc. Ghi nhận chị V không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Chị V và anh Đ không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị V và anh Đ trình bày không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết

5. Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0023042 ngày 06-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Trần Minh Đ không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phạm Thị V, anh Trần Minh Đ có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây

Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh
- Phòng GDKTNV&THA;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục Thi hành án H. Bến Cầu;
- UBND thị trấn Y (Lư);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Tiến Danh